

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG T&T VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG T&T VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM T&T CONSTRUCTION CONSULTANTCY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIET NAM T&T CONSTRUCTION CONSULTANTCY .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0106590655

**3. Ngày đăng ký thành lập:** 01/07/2014

**4. Địa chỉ trụ sở chính:** Số 32, ngách 22/111 phố Cù Chính Lan, Phường Khương Mai, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0976448668

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                                                           | 4659     |
| 2.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,<br>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,<br>+ Chống ẩm các toà nhà,<br>+ Chôn chân trụ,<br>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,<br>+ Uốn thép,<br>+ Xây gạch và đặt đá,<br>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,<br>+ Dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp,<br>- Các công việc dưới bề mặt;<br>- Xây dựng bể bơi ngoài trời; | 4390     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4663     |
| 4.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 5.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8299        |
| 6.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi<br>- Thiết kế công trình thủy lợi<br>- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: Công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp; Công trình xây dựng giao thông (cầu- đường bộ)<br>- Thiết kế kiến trúc công trình<br>- Khảo sát địa chất công trình<br>- Khảo sát địa hình<br>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2<br>- Thiết kế xây dựng hệ thống cấp- thoát nước<br>- Thiết kế công trình xây dựng giao thông (cầu, đường bộ)<br>- Thiết kế công trình: Xây dựng dân dụng, công nghiệp; thủy lợi, thủy điện; Hạ tầng kỹ thuật<br>- Thiết kế công trình đường dây và trạm biến áp đến 110 Kv | 7110(Chính) |
| 7.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4100        |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4220        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4329        |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4330        |
| 11. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4210        |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>+ Các nhà máy lọc dầu,<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>- Xây dựng công trình cửa như:<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4290        |
| 13. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4321        |
| 14. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4322        |

|     |  |                                                              |
|-----|--|--------------------------------------------------------------|
| 15. |  | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
|-----|--|--------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 18.838.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

Tổng số cổ phần: 0

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Vốn pháp định:** 0 VNĐ

**9. Danh sách cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức         | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (chứng thực cá nhân) đối với cá nhân; MSD N đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VÕ NHƯ HÙNG       | P403 K17, tập thể Bách Khoa, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 450.000    | 4.500.000.000         | 23,89     | 011537099                                                                                                              |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 450.000    | 4.500.000.000         | 23,89     |                                                                                                                        |         |
|     |                   |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                                                        |         |
| 2   | NGUYỄN THẾ HUY    | F316-N10 Viện Khoa học Thủy lợi, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 443.800    | 4.438.000.000         | 23,56     | 011593520                                                                                                              |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 443.800    | 4.438.000.000         | 23,56     |                                                                                                                        |         |
|     |                   |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                                                        |         |
| 3   | NGUYỄN VĂN THẮNG  | Thôn Thanh Chung, Xã Yên Lợi, Huyện Ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                           | Cổ phần phổ thông | 435.000    | 4.350.000.000         | 23,09     | 162297135                                                                                                              |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 435.000    | 4.350.000.000         | 23,09     |                                                                                                                        |         |
|     |                   |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                                                        |         |
| 4   | NGUYỄN QUỐC TRỌNG | P508- CT4C khu đô thị Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam        | Cổ phần phổ thông | 285.000    | 2.850.000.000         | 15,13     | 017428600                                                                                                              |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 285.000    | 2.850.000.000         | 15,13     |                                                                                                                        |         |
|     |                   |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                                                        |         |
| 5   | NGUYỄN THỊ HỒNG   | Xóm Bãi, Xã Phong Vân, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                               | Cổ phần phổ thông | 270.000    | 2.700.000.000         | 14,33     | 111787305                                                                                                              |         |
|     |                   |                                                                                              | Tổng số           | 270.000    | 2.700.000.000         | 14,33     |                                                                                                                        |         |
|     |                   |                                                                                              |                   |            |                       |           |                                                                                                                        |         |

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

Họ và tên: NGUYỄN THẾ HUY

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Ngày sinh: 05/09/1973

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy chứng thực cá nhân: *Giấy chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 011593520

Ngày cấp: 20/03/2003

Nơi cấp: *Công an thành phố Hà Nội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *F316-N10 Viện Khoa học Thủy lợi, Phường Trung Liệt,  
Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 11, ngõ 26 đường Võ Văn Dũng, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa,  
Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội